

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/DS-PT
Ngày: 01 - 7 - 2020
V/v tranh chấp “Hợp vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu

Bà Ngô Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986; (có mặt)

1.2. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1948 (vắng mặt), bà Phạm Thị Ph ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th tham gia tố tụng, (theo giấy ủy quyền ngày 20/12/2018).

Cùng cư trú: tổ 09, ấp T4, xã V, huyện G, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị Ph: Ông Lương Tường H, là Luật sư Công ty Luật G, thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1959, nơi cư trú: tổ 09, ấp KH, xã Kh, huyện AP, tỉnh An Giang, nơi ở hiện nay: ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim B: Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981, (theo giấy ủy quyền ngày 10/6/2020), nơi cư trú: ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang. (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1941; cư trú: tổ 09, ấp T4, xã V, huyện G, tỉnh K. (vắng mặt).

3.2. Ông Lê Văn TT, sinh năm 1945; (vắng mặt);

3.3. Bà Lê Thị TK, sinh năm 1980; (vắng mặt);

3.4. Bà Lê Thị Gi, sinh năm 1986; (vắng mặt);

3.5. Ông Lê Văn H, sinh năm 1982. (có mặt).

Cùng cư trú: ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ph trình bày: Vào tháng 3/2015, gia đình bà có bán nền đất tại ấp Bắc Nam, xã Prec Chạy, huyện C, tỉnh KĐ, Campuchia. Sau khi cho cửi cho bà B thì bà B hay tin gia đình bà mới bán đất nên bà B hỏi vay tiền và nói là tiền để đó không làm gì cho bà mượn đi khi nào gia đình cần thì đưa lại liền. Thấy chỗ dòng họ (Bà B gọi bà Ph là dì ruột) nên bà cho bà B vay 03 lần, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/3/2015 vay 150.000.000đ.

Lần 2: Ngày 29/3/2015 vay 250.000.000đ.

Lần 3: Ngày 30/4/2015 vay 300.000.000đ.

Tổng cộng 03 lần là 700.000.000đ. Bà B trả lãi được 04 tháng đến tháng 7/2015 thì ngưng luôn đến nay. Bà có đòi nhiều lần nhưng bà B chỉ hẹn mà không trả. Nay yêu cầu bà B phải có trách nhiệm trả tiền vốn 700.000.000 đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 7/2015 đến nay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B khai: Tại bản tự khai ngày 05/7/2019 bà B trình bày như sau: Bà và bà Ph là quan hệ dì cháu ruột với nhau nên bà Ph nói với bà là có dư số tiền hỏi xem có ai cần vay tiền thì giới thiệu giùm, khi đó bà Đoàn Thị K cần tiền để mua bán mắm nên có hỏi vay tiền của bà Ph thông qua bà, việc vay tiền giữa bà Ph và bà K thì bà chỉ là người giới thiệu, tuy nhiên do nhà bà K ở dưới sông nên mượn nhà bà để giao tiền, việc giao tiền là trực tiếp giữa bà Ph và bà K, bà không liên quan. Thời gian đầu bà K đóng lãi đầy đủ cho bà Ph nhưng sau đó nghe nói do chậm trả lãi nên bà Ph lấy một nền đất tại ấp An Hòa, xã Khánh An trị giá 100.000.000 đồng để trừ lãi. Sau đó bà Ph còn nhiều lần đến nhà đòi tiền bà K và bà K vẫn thừa nhận nợ và xin trả dần. Vào năm 2018 bà Ph còn nhiều lần đến nhà bà K đòi do hoảng sợ nên bà K chết, sau khi bà K chết thì bà Ph

chuyển sang đòi nợ bà. Nay bà không thừa nhận nợ và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ph

Buộc bà Nguyễn Thị Kim B trả cho bà Phạm Thị Ph số tiền vốn gốc là 700.000.000 đồng và lãi 350.000.000 đồng tổng cộng vốn và lãi 1.050.000.000 đồng. (Một tỷ không trăm hai mươi chín triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/12/2019 bà Nguyễn Thị Kim B nộp đơn kháng cáo với lý do: Không đồng ý quyết định của Tòa án sơ thẩm buộc bà B phải trả cho bà Ph số tiền 700.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Ph.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Hùng T đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Nguyễn Văn Th là nguyên đơn đồng thời là đại diện ủy quyền của bà Ph. Ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Ph phát biểu quan điểm bảo vệ:

Thứ nhất, bà B có thừa nhận việc giao tiền tại nhà bà là 700.000.000 đồng B lần như nguyên đơn trình bày, điều này chứng minh cho việc trình bày trong đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ việc giao nhận tiền tại nhà bà Kim B.

Thứ hai, bà B cho rằng bà là người giới thiệu bà Ph cho bà K vay tiền, nhưng bà B không có chứng cứ nào chứng minh việc này. Nếu giới thiệu cho bà K vay thì giữa bà Ph và bà K vay tại sao hai người xa lạ nhưng không làm biên nhận nợ vay, trong khi số tiền cho vay là rất lớn đối với người dân ở địa phương.

Thứ B, Trong đoạn ghi âm bà B thừa nhận, bà nhận tiền nhưng đưa lại cho bà K hết và nói ông Th đến nhà bà K để đòi, rõ ràng bà B thừa nhận có nhận tiền nhưng đưa cho bà K do đó bà B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Ph.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 332/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện A. Bà Nguyễn Thị Kim B được miễn án phí dân sự phúc thẩm do người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim B là bị đơn trong vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm bà B đã nộp đơn kháng cáo trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Bà Ph khởi kiện yêu cầu bà B phải trả số tiền vay là 700.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 7 năm 2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc vay tiền với nhau là do mối quan hệ thân thuộc bà B gọi bà Ph là dì ruột nên các bên không lập thành văn bản.

Mặc dù vay không có biên nhận nhưng qua quá trình xác minh và củng cố chứng cứ ở cấp sơ thẩm thì thể hiện:

Thứ nhất, bà B có thừa nhận việc giao tiền tại nhà bà là 700.000.000 đồng B lần như nguyên đơn trình bày, điều này chứng minh cho việc trình bày trong đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và có việc giao nhận tiền tại nhà bà Kim B.

Thứ hai, bà B cho rằng bà là người giới thiệu bà Ph cho bà K vay tiền, nhưng không có chứng cứ nào chứng minh việc này. Nếu giới thiệu cho bà K vay thì giữa bà Ph với bà K vay tiền tại sao hai người xa lạ nhưng không làm biên nhận nợ. Trong khi số tiền cho vay là rất lớn đối với người dân ở địa phương, với trước đó bà Kim B và bà K có cho vay tiền với nhau nên bà B yêu cầu bà Ph là dì ruột của mình cho mượn tiền để cho bà K vay lại là hoàn toàn phù hợp, do bà K không đóng lãi nên bà B đã yêu cầu bà K lấy đất để giao cho bà Ph làm niềm tin chứ trong vụ án này bà Ph không hề giao dịch gì với bà K.

Thứ B, trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông Th và bà B, thể hiện, bà B cho rằng số tiền 700.000.000 đồng bà nhận của bà Ph, bà đã đưa hết cho bà K và bà B chỉ nhà bà K cho ông Th đến để đòi tiền. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Hùng T là người đại diện ủy quyền cho bà B cũng thừa nhận vọng nói trong đoạn ghi âm đúng là vọng nói của bà B.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm Tòa án có làm việc với ông Lê Văn Hận thì ông Hận xác định việc bà K có vay tiền của bà Ph hay không thì ông không biết, nhưng việc bà K có vay tiền của bà B Th qua bà Trang để vay số tiền 550.000.000 đồng và bà K đã trả xong. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Hận khai mẹ ông là bà K có vay tiền của bà Ph nhưng ông không có chứng kiến

việc bà Ph đưa tiền cho bà K. Do đó, lời khai của ông Hận không thống nhất nên không có cơ sở xem xét.

[3]. Xét thấy, việc bà Ph giao tiền B lần số tiền 700.000.000 đồng tại nhà bà B là có, còn việc bà B có đưa tiền lại cho bà K hay không thì đó là việc của bà B với bà K, đến khi bà K không khả năng nộp lãi thì bà B yêu cầu bà K làm giấy giao cho bà Ph một nền nhà để làm tin. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bà B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[4]. Trên cơ sở phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, xét thấy việc bà B vay tiền của bà Ph trên thực tế có xảy ra. Do đó, ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ph là có cơ sở và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5]. Đối với việc bà Nguyễn Thị Kim B cho rằng số tiền 700.000.000 đồng mà bà đã đưa lại cho bà Đoàn Thị K, nếu bà B có yêu cầu về số tiền này đối với bà K thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[6]. Về tờ sang nhượng đất ở ngày 04/10/2015 thể hiện nội dung bà Đoàn Thị K và ông Lê Văn Hận sang nhượng cho ông Nguyễn Văn Rải 01 nền đất tọa lạc tại ấp An Hòa, xã Khánh An với số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Th và luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Ph không thừa nhận tờ sang nhượng đất ở ngày 04/10/2015, cho rằng ông Nguyễn Văn Rải, bà Phạm Thị Ph và ông Nguyễn Văn Th không cho bà K vay tiền nên không có việc làm tờ sang nhượng nền đất ở để trừ nợ và cũng không có tranh chấp.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim B là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 332/2019/DS-ST ngày 18 - 11 - 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các Điều 280; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; khoản 2, Điều 92; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 217; khoản 3, Điều 218; khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ph.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim B trả cho bà Phạm Thị Ph số tiền vốn là 700.000.000 đồng và lãi 350.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 1.050.000.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số TU/2016/0010980 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Bà Nguyễn Thị Kim B được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa TT thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thám